

Bản án số:17/2017/HSST

Ngày 22/8/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA – THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Sỹ Hỷ;

- *Các hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Hưng;
2. Ông Phạm Văn Nhất;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa – Thanh Hóa;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa tham gia phiên tòa: Ông Hà Xuân Trường – Kiểm sát viên;

Ngày 22 tháng 8 năm 2017. Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số: 35/2017/HSST, ngày 18 tháng 7 năm 2017. Đối với bị cáo:

Hà Văn Ng – sinh năm 1987; Sinh trú quán: bản S, xã T, huyện QH, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp:trồng trọt; trình độ văn hóa: 5/12 ; Con ông: Hà Văn C và bà Hà Thị C; bị cáo có vợ là Lương Thị D và 03 con.

Tiền án: không; tiền sự: không;

Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương, bị cáo có mặt tại phiên tòa;

** Người bị hại:* chị Lương Thị N - sinh năm 1982;

Trú tại: bản C, xã TS, huyện QH, tỉnh Thanh Hóa(vắng mặt)

**Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Hà Văn Kh – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa(có mặt);

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- anh Hà Văn S – sinh năm 1973;

Trú tại: bản L, xã C, huyện MC, tỉnh Hòa Bình(vắng mặt);

- anh Lương Văn D – sinh năm 1973;

Trú tại: bản C, xã TS, huyện QH, tỉnh Thanh Hóa(vắng mặt);

NHẬN THẤY:

Bị cáo Hà Văn Ng bị Viện kiểm sát nhân dân huyện QH – Thanh Hóa truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Sáng ngày 18/3/2017 Hà Văn Ng, sinh năm 1987, trú tại bản S, xã T, huyện QH đến nhà chị gái là Lương Thị N ở bản C, xã TS, huyện QH để lấy ví và giấy tờ để quên. Ng mở ngăn kéo tủ để lấy ví và giấy tờ thì thấy có 01 chìa khóa xe máy nên Ng đã lấy chìa khóa xe máy bỏ túi quần, mục đích là dùng chìa khóa này để mở khóa xe máy của chị N mang đi cầm cố lấy tiền trả nợ. Khoảng 02 giờ sáng ngày 20/3/2017, Ng đi bộ từ bản , xã TS, huyện QH đến nhà anh Lương Văn D, sinh năm 1973 ở bản C, xã TS thì Ng thấy dưới gầm nhà sàn của anh D có 03 chiếc xe máy. Ng liền dùng chiếc chìa khóa xe đã lấy tại ngăn kéo tủ của nhà chị N mở thử cả 3 chiếc xe thì mở được xe máy Honda Wave, biển kiểm soát 36H5 – 055.01, màu sơn xanh – đen – bạc, số khung 1251FY161427, số máy HC 12E7160762. Đây là chiếc xe đứng tên đăng ký chủ sở hữu Lương Thị N, do không có giấy phép lái xe nên chị N đã giao chiếc xe này cho anh Lương Văn D là anh chồng của chị N quản lý và sử dụng. Sau khi lấy trộm được xe thì Ng điều khiển xe đến nhà anh Hà Văn S, sinh năm 1973 ở bản L, xã C, huyện MC, tỉnh Hòa Bình cầm cố xe máy cho anh S với giá 1.100.000đ(một triệu một trăm nghìn đồng), sau khi cầm được xe cho anh S thì Ng đi về CL, huyện MC, tỉnh Hòa Bình gọi điện cho anh Hà Văn H, sinh năm 1987, ở bản P, xã PT, huyện QH để nhờ H trở Ng về bản C, xã TS, huyện QH và Ng trả công cho H 500.000đ tiền công anh H trở Ng về.

Khoảng 05 giờ sáng ngày 20/3/2017, sau khi ngủ dậy anh D phát hiện chiếc xe máy Honda Wave BKS – 36H5 – 055.01 của chị N gửi bị mất, anh D và vợ chồng chị N tổ chức đi tìm nhưng không thấy, nên anh D đã đến Ban công an xã TS, huyện QH báo cáo về việc mất xe. Chiều tối ngày 20/3/2017, anh D gặp Ng và hỏi Ng có lấy chiếc xe ở gầm nhà sàn của gia đình không thì Ng đã thừa nhận lấy chiếc xe máy ở gầm nhà sàn nhà anh D đem đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khoảng 20 giờ cùng ngày Ng đã đưa anh D đến nhà anh Hà Văn S để xin chuộc lại chiếc xe Ng đã cầm cố.

Sáng ngày 21/3/2017, anh D mang chiếc xe đến Ban Công an xã TS giao nộp, đồng thời Hà Văn Ng cũng đến Ban Công an xã TS, huyện QH đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản.

Tại cơ quan điều tra đã xác định chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36H5 – 055.01 mà Ng trộm cắp là tài sản thuộc quyền sở hữu của chị Lương Thị N, do chưa có giấy phép lái xe nên chị N đã giao xe cho anh Lương Văn D là anh

chồng của chị N quản lý, sử dụng. Hà Văn Ng đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp của mình như đã nêu ở trên.

Tại bản Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Hội đồng định giá tài sản huyện QH lập ngày 23/3/2017 đã kết luận giá trị tài sản chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36H5 – 055.01 mà Ngoán trộm cắp của chị Lương Thị N tại thời điểm bị mất trộm trị giá 20.900.000đ(Hai mươi triệu chín trăm nghìn đồng).

Đối với anh Hà Văn S cho Ng cầm cố chiếc xe, Ng nói với anh S là xe của Ng để anh S đồng ý cho Ng cầm cố chiếc xe lấy 1.100.000đ(Một triệu một trăm nghìn đồng), bản thân anh S không biết chiếc xe nêu trên là do Ng trộm cắp mà có nên anh S không liên quan đến hành vi trộm cắp của Hà Văn Ng

Đối với Hà Văn H là người được Ng đưa cho số tiền 500.000đ, theo lời khai của Ng thì Ng đưa số tiền này cho anh H để trả công cho anh H chở Ng về bản Ch, xã TS. Hiện tại Hà Văn H vắng mặt tại địa phương, nên cơ quan Điều tra chưa lấy được lời khai của anh H. Do đó chưa đủ căn cứ để xác định H có phải là đồng phạm với Ng trong vụ án trộm cắp tài sản hay không.

***Vật chứng vụ án gồm:**

- 01(Một) chiếc xe mô tô Honda Wave, biển kiểm soát 36H5 – 055.01, màu sơn xanh – đen – bạc, số khung 1251FY161427, số máy HC 12E7160762; Ngày 02 tháng 6 năm 2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện QH đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại chiếc xe trên cho chị Ng.

Về phần bồi thường dân sự:

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lương Văn D đề nghị bị cáo Hà Văn Ng phải thanh toán cho anh số tiền 4.680.000đ(Bốn triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng), gồm tiền chuộc xe và tiền chi phí xăng xe, cơm nước cho những người đi tìm xe ngày 20/3/2017.

Cụ thể:

- Tiền chuộc xe: 1.000.000đ(Một triệu đồng).
- Chi phí cho tổ đi tìm xe ở T, Mường Chanh của huyện ML: 1.260.000đ(Một triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng).
- Chi phí cho tổ đi tìm xe ở huyện MC, tỉnh Hòa Bình: 650.000đ(Sáu trăm năm mươi nghìn đồng).
- Chi phí cho tổ đi tìm xe ở các xã CL, ĐT, CN của huyện BT: 650.000đ(Sáu trăm năm mươi nghìn đồng).
- Chi phí cho tổ đi TL, HK: 500.000đ(Năm trăm nghìn đồng).

- Chi phí cho tổ đi các xã của huyện VH, tỉnh Sơn La: 500.000đ(Năm trăm nghìn đồng).
- Chi phí cho tổ đi các bản trong xã: 120.000đ(Một trăm hai mươi nghìn đồng).

Người bị hại Lương Thị N không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên HĐXX không xem xét.

Tại bản Cáo trạng số 12/KSĐT – VKS, ngày 15 tháng 7 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện QH đã truy tố bị cáo Hà Văn Ng về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 điều 138 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị HĐXX:

Tuyên bố: Hà Văn Ng phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm p,h khoản 1, 2 Điều 46; Điều 33 BLHS đối với Hà Văn Ng;

Xử phạt : Hà Văn Ng tù 9 tháng đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, đại diện VKS còn đề nghị HĐXX giải quyết buộc bị cáo phải bồi thường dân sự và chịu án phí HSST.

Bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo, trong phần tranh luận bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm được hòa nhập cộng đồng, làm người công dân có ích cho xã hội.

Tại phần tranh luận người bào chữa cho bị cáo đồng ý với quan điểm buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện QH và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1,2 Điều 46, Điều 60 BLHS cho bị cáo như: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận về hành vi của bản thân, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã đến cơ quan Công an để đầu thú; đề nghị HĐXX xem xét xử bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Căn cứ vào các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Hà Văn Ng đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Lợi dụng sự sơ hở của gia đình

anh Lương Văn D ở bản C, xã TS, huyện QH. 02 giờ sáng ngày 20/3/2017, Hà Văn Ng đã dùng chìa khóa xe lấy trộm nhà chị N từ trước vào gầm nhà sàn của nhà anh D dùng chìa khóa để mở khóa xe máy Honda Wave, biển kiểm soát 36H5 – 055.01 của chị N gửi ở nhà anh D, sau khi lấy trộm được xe máy thì Ng mang xe trộm cấp được đến nhà anh Hà Văn S, ở bản L, xã C, huyện MC, tỉnh Hòa Bình nói dối là xe của Ng, do đang cần tiền nên đề nghị anh S cho Ng cầm cố chiếc xe máy trên lấy 1.100.000đ (Một triệu một trăm nghìn đồng); sau khi cầm cố xe cho anh S được 1.100.000đ, Ng đã trả công tiền xe ôm cho anh Hà Văn H 500.000đ, số tiền còn lại Ng đã chi tiêu cá nhân hết. Chiều ngày 20/3/2017 khi anh D hỏi về chiếc xe máy của chị N bị mất thì Ng thừa nhận đã trộm cắp chiếc xe của chị N và cùng với anh D đi chuộc lại chiếc xe, sáng ngày 21/3/2017 Ng đã đến Ban Công an xã TS, huyện QH đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp xe tại nhà anh Lương Văn D vào rạng sáng ngày 20/3/2017.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, tang vật chứng thu giữ được, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Hà Văn Ng phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, Điều 138 BLHS; Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện QH đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ vào chính xác.

Xét tính chất, mức độ hành vi của vụ án thì thấy: Hành vi của bị cáo trộm cắp chiếc xe mô tô của chị Lương Thị N trị giá 20.900.000đ (hai mươi triệu chín trăm nghìn đồng) là nguy hiểm cho xã hội, lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của người dân, bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp, xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật Hình sự bảo vệ; gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong nhân dân, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, hành vi của bị cáo cần phải được xử lý đúng mức để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo thì thấy: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối hận về hành vi của bản thân; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã đến cơ quan Công an đầu thú. Vì vậy cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1,2 Điều 46 BLHS đối với bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay người bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo tại điểm p,h khoản 1,2 điều 46,60 BLHS và đề nghị HĐXX xử bị cáo một mức án thấp nhất của khung hình phạt, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo thấy rõ sự khoan hồng của pháp luật. Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo về các tình tiết giảm nhẹ là có căn cứ, tuy nhiên đề

ngợi HĐXX cho bị cáo được hưởng án treo là không phù hợp, vì bị cáo sống lang thang, không có công việc ổn định, không có khả năng tự cải tạo, rèn luyện nên cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Do đó đề nghị của người bào chữa cho bị cáo được HĐXX chấp nhận một phần.

Từ những căn cứ phân tích nêu trên cần áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p,h khoản 1,2 Điều 46; điều 33 BLHS, xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo yên tâm cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lương Văn D đề nghị bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại số tiền là 4.680.000đ(Bốn triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng). Xét thấy yêu cầu về bồi thường dân sự của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là thiệt hại thực tế và bị cáo cũng chấp nhận yêu cầu trên nên, HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu trên là phù hợp với điều 589 BLDS 2015. Buộc bị cáo Hà Văn Ng phải bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi liên quan Lương Văn D toàn bộ số tiền là: 4.680.000đ(Bốn triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí dân sự trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố: Bị cáo Hà Văn Ng phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; các điểm p,h khoản 1,2 Điều 46; Điều 33 BLHS đối với bị cáo Hà Văn Ng.

Xử phạt:

Bị cáo Hà Văn Ng **09**(Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam đi thi hành án.

2.Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 357, 584, 585, 586, 589 BLDS 2015. Buộc bị cáo Hà Văn Ng phải bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lương Văn D số tiền 4.680.000đ(Bốn triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu người được thi hành án yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chưa thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu lãi xuất giới hạn quy định tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

3. Về án phí và các vấn đề khác: Áp dụng các Điều 99, 231 và 234 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; khoản 1 Điều 21; các điểm a,c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Bị cáo Hà Văn Ng phải nộp 200.000đ(Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ(Ba trăm đồng) án phí dân sự trong vụ án hình sự;

Án xử sơ thẩm công khai có mặt bị cáo,vắng mặt người bị hại người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15(Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người bị hại người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15(Mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quan Hoá;
- Bị cáo;
- Ng- ời bị hại;
- Người có quyền lợi và nv liên quan;
- Cơ quan THAHS CA huyện QH;
- Chi cục THADS huyện QH;
- Phòng giám đốc án TAND tỉnh T.H;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Sở Tư pháp Thanh Hóa;
- L- u HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Sỹ Hỷ